

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:*
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1982. có mặt
Cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Kha L**, sinh năm 1981. vắng mặt
Cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà và ông Kha L chung sống với nhau vào năm 2000, không đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối. Vợ chồng chung sống 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân do chồng thường hay ăn nhậu, bất đồng quan điểm, đuổi bà T ra khỏi nhà. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với bà Nguyễn Văn Kha L.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 31/5/2002 và Nguyễn Văn Kha D, sinh ngày 07/3/2004 hiện nay 02 con chung đang sống với bà T, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn Kha L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Kha L không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Kha L về yêu cầu khởi kiện của bà Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bị đơn ông Nguyễn Văn Kha L đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông Kha L vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kha L là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Kha L. Ông Kha L có nơi cư trú tại ấp Phú Hạ 2, xã Kiến Thành, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Kha L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của bà T, ông L là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên không công nhận bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Kha L là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 31/5/2002 và Nguyễn Văn Kha Dĩ, sinh ngày 07/3/2004. Hiện tại 02 con chung đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: bà T trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận bà T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông L trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Kha L là vợ chồng.
3. *Về quan hệ con chung*: Bà T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 31/5/2002 và Nguyễn Văn Kha D, sinh ngày 07/3/2004. Ông Kha L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Ông Kha L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Kha L thực hiện quyền này.
Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.
4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà T trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận bà T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông Kha L trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông Kha L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà T phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007947 ngày 03.02.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Kha L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh

Hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Trần Quang Thanh